

Số: /QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung
và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3100/QĐ-BTP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3312/TTr-STP ngày 19 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính nội bộ gồm: Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật cấp huyện và thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp huyện tại Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Tư pháp trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm rà soát, cập nhật Quyết định này và các thủ tục hành chính nội bộ vào cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính (<https://csdl.dichvucong.gov.vn>).

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Tin học - Công báo) có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Các Phòng, Ban, Trung tâm thuộc VP;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phong

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC
PHÁP LUẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ TƯ PHÁP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

STT	Mã số thủ tục hành chính nội bộ	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật			
1	6.001636	Công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực Tư pháp.
2	6.001637	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của

			chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực Tư pháp.
--	--	--	---

2. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

STT	Mã số thủ tục hành chính nội bộ	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ
Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật			
1	6.002488	Công nhận báo cáo viên pháp luật (cấp huyện)	Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.
2	6.002540	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật (cấp huyện)	Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của

			chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.
--	--	--	--

PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP

A. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật

I. Công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

- Theo yêu cầu rà soát hằng năm của Sở Tư pháp hoặc theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị và tình hình thực tế: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị rà soát cán bộ, công chức, viên chức và sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật và lập hồ sơ đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật gửi về Sở Tư pháp.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của các cơ quan, đơn vị, Sở Tư pháp tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật được thành lập thành 01 bộ, gồm:

- Công văn đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật của cơ quan, đơn vị.
- Danh sách trích ngang người được đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 544/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang.

4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn thẩm định hồ sơ của Sở Tư pháp: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời hạn Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Cơ quan, tổ

chức cấp tỉnh.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ: Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ: Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh của Chủ tịch UBND tỉnh.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:

Báo cáo viên pháp luật phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, có uy tín trong công tác;
- Có khả năng truyền đạt;
- Có bằng tốt nghiệp đại học luật và thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật ít nhất là 02 năm; trường hợp không có bằng tốt nghiệp đại học luật, nhưng có bằng tốt nghiệp đại học khác thì phải có thời gian công tác liên quan đến pháp luật ít nhất là 03 năm.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:

- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội.
- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.
- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.
- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.
- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.
- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực Tư pháp.
- Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

II. Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

- Theo yêu cầu rà soát hằng năm của Sở Tư pháp hoặc theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị và tình hình thực tế: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh rà soát các trường hợp miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tại Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang và lập hồ sơ đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật gửi về Sở Tư pháp.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của các cơ quan, đơn vị, Sở Tư pháp tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật được thành lập thành 01 bộ, gồm:

- Công văn đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật của cơ quan, đơn vị.
- Danh sách trích ngang người được đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang.

4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn thẩm định hồ sơ của Sở Tư pháp: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời hạn Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức cấp tỉnh.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Các trường hợp miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật bao gồm:

- Tự nguyện xin thôi làm báo cáo viên pháp luật vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác;
- Không còn là cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan trong lực lượng vũ

trang nhân dân hoặc chuyển công tác khỏi cơ quan, tổ chức đã đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật;

- Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

- Từ chối không thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật theo sự phân công của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp mà không có lý do chính đáng từ 03 lần trở lên;

- Thực hiện một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 9 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

- Bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội.

- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực Tư pháp.

- Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp./.